

Bản án số: 35/2025/DS-PT
Ngày: 12 - 02 - 2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Vĩnh Khương.

Ông Trần Nam Trung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Sơn Cuol - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 235/2024/TLPT-DS ngày 11 tháng 11 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 109/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 276/2024/QĐ-PT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Bùi Thanh H, sinh năm 1962; địa chỉ: Khóm M, Phường H, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh D, sinh năm 1965; địa chỉ: Số nhà T, kênh A, Khóm B, Phường N, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 11/4/2024). (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1981; địa chỉ: Khóm B, Phường M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng; tạm trú: Khóm M, Phường H, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Đàm Thị Kim Ngoãn E, sinh năm 1985; địa chỉ: Khóm M, Phường H, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

- *Người làm chứng:* Bà Đặng Thị Kiều M, sinh năm 1981; địa chỉ: Khóm B, Phường M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Bùi Thanh H là nguyên đơn và ông Nguyễn Văn T là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh D trình bày:

Vào ngày 21/10/2019, ông Bùi Thanh H có cho ông Nguyễn Văn T vay số tiền là 700.000.000 đồng, lãi suất từ 4%/tháng đến 5%/tháng, đến ngày 16/3/2024 giữa ông H và ông T đã chốt lại phần vốn vay và phần tiền lãi hiện nay ông T còn thiếu ông H tiền vốn là 700.000.000 đồng và tiền lãi là 845.000.000 đồng, có lập biên nhận ngày 16/3/2024 kèm theo, khoản vay này chốt xong ngày 16/3/2024, nên ông H không yêu cầu tính lãi khoản vay này.

Vào ngày 13/7/2021, ông H tiếp tục cho ông Nguyễn Văn T vay số tiền là 1.000.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng, đến nay số tiền này ông T không trả vốn cũng như không trả lãi cho ông H, có biên nhận kèm theo và tính tiền lãi suất là 1,66%/tháng đối với số tiền gốc là 1.000.000.000 đồng kể từ ngày 13/7/2021 đến ngày xét xử (ngày 26/9/2024) là 637.993.000 đồng.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu buộc bà Đàm Thị Kim Ngoãn E có trách nhiệm liên đới cùng với ông T trả nợ, chỉ yêu cầu ông T trả tổng cộng 02 khoản nợ vay và số tiền lãi 02 khoản nợ là: 700.000.000 đồng + 1.000.000.000 đồng + 845.000.000 đồng + 637.993.333 đồng = 3.182.993.333 đồng.

- Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là bà Võ Anh Tú trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu phản tố như sau:

Vào ngày 23/10/2019, ông Nguyễn Văn T có vay của ông Bùi Thanh H số tiền 700.000.000 đồng, mục đích cho người khác vay, do ông T và ông H là dương cháu nên ông H kêu đóng lãi như thế nào thì ông T đồng ý như vậy. Nay qua tìm hiểu, ông T không đồng ý với mức lãi suất mà ông H đưa ra.

Theo ông H trong khoản nợ gốc 700.000.000 đồng đến ngày 23/02/2024 ông T phải trả cho ông H số tiền lãi là 1.540.000.000 đồng, trong đó ông H đã trả được số tiền 1.695.000.000 đồng, kèm biên nhận ngày 23/02/2024, nếu tính theo lãi suất Ngân hàng nhà nước hiện hành đến ngày 23/02/2024, ông T chỉ phải trả số tiền lãi là $700.000.000 \text{ đồng} \times 1,67\% \times 52 \text{ tháng} = 607.880.000 \text{ đồng}$, tức là ông T đã trả dư cho ông H số tiền là 387.120.000 đồng.

Đối với khoản vay 1.000.000.000 đồng ngày 13/07/2021 thì ông T đã thanh toán đến ngày 14/10/2022 đã trả được số tiền 1.405.000.000 đồng, trên sao kê Ngân hàng kèm theo. Nếu tính theo lãi suất là 1,66%/tháng như ông H đã nêu trong đơn khởi kiện thì lãi suất đến ngày 14/10/2022 được tính như sau: Số tiền 1.000.000.000 đồng $\times 1,66\% \times (15 \text{ tháng } 01 \text{ ngày}) = 1.249.533.333 \text{ đồng}$. Tuy nhiên, ngày 14/10/2022 ông T đã đóng lãi cho ông H số tiền 1.405.000.000 đồng, nên ông T đã trả dư cho ông H số tiền 1.405.000.000 đồng - 1.249.533.333 đồng = 155.466.667 đồng. Như vậy, tổng cộng ông T đã trả dư các khoản nợ 700.000.000 đồng (ngày 23/10/2019) và khoản nợ 1.000.000.000 đồng (ngày 13/07/2021) là 387.120.000 đồng + 155.466.667 đồng = 542.685.667 đồng.

Ông T có đơn phản tố và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn không đồng ý theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông H trả cho ông T số tiền đã trả dư là 542.685.667 đồng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đàm Thị Kim Ngoãn E:

Từ khi Tòa án thụ lý đến nay, mặc dù đã được thông báo các văn bản tố tụng cho bị đơn biết về nội dung khởi kiện của nguyên đơn nhưng bị đơn bà E vẫn vắng mặt không tham gia việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như không tham gia phiên tòa hôm nay nên không có ý kiến trình bày.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày quan điểm bảo vệ cho bị đơn như sau:

Đối với khoản vay ngày 21/10/2019, ông T có vay của ông H 700.000.000 đồng, đến ngày 24/02/2024 thì ông T đã trả theo yêu cầu của ông H với số tiền mà ông H đã tính tổng cộng là 2.080.000.000 đồng, ông T trả tổng cộng là 1.695.000.000 đồng.

Đối với khoản vay ngày 13/7/2021, ông T vay 1.000.000.000 đồng đã trả bằng hình thức chuyển khoản qua Ngân hàng là 1.405.000.000 đồng.

Do ông H cho vay với lãi suất vượt mức quy định 20%/năm nên sau khi tính toán, khấu trừ thì ông T đã trả dư cho ông H số tiền là 542.685.667 đồng. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận phản tố của bị đơn, buộc ông H trả cho ông T số tiền là 542.685.667 đồng.

Sự việc đã được Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết tại Bản án dân sự sơ thẩm số 109/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 đã quyết định: Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 2, Điều 244; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các Điều 166; 463; 466; 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 4, khoản 5 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. **Tuyên xử:**

1. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu buộc bà Đàm Thị Kim Ngoãn E có trách nhiệm liên đới cùng với ông Nguyễn Văn T trả nợ vay nêu trên.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Thanh H về việc yêu cầu buộc bị đơn ông Nguyễn Văn T trả số tiền vay.

Buộc ông Nguyễn Văn T trả cho ông Bùi Thanh H số tiền là 617.761.333 đồng.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Thanh H về việc yêu cầu buộc ông Nguyễn Văn T trả số tiền là 2.565.231.667 đồng.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn Văn T.

Buộc ông Bùi Thanh H trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền là 155.466.667 đồng.

Không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn Văn T về việc yêu cầu buộc ông Bùi Thanh H trả số tiền là 387.120.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả.

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Đến ngày 11/10/2024, nguyên đơn ông Bùi Thanh H có đơn kháng cáo và được Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm nhận cùng ngày về việc yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 109/2024/DS-ST ngày 30/9/2024 theo hướng buộc ông T trả khoản vay 1.000.000.000 đồng và tiền lãi 38 tháng là 630.800.000 đồng. Đồng thời, xem xét việc Tòa án cấp sơ thẩm lấy số tiền 405.000.000 đồng trừ phần tiền lãi đến 02 lần (trừ phần tiền lãi khoản vay 700.000.000 đồng và trừ phần tiền lãi khoản vay 1.000.000.000 đồng).

Đến ngày 11/10/2024, bị đơn ông Nguyễn Văn T có đơn kháng cáo và được Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm nhận cùng ngày về việc yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 109/2024/DS-ST ngày 30/9/2024 theo hướng bác toàn bộ đơn khởi kiện của ông H và chấp nhận toàn bộ đơn phản tố của ông.

- Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 27/12/2024, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông D không rút đơn khởi kiện, nhưng xin rút toàn bộ đơn kháng cáo của ông H và cho rằng: Sau khi ông T gửi cho ông file ghi âm đối với bà M và ông xác định giọng nói trong file ghi âm là của bà M, lời bà M trình bày là đúng, nên ông xin rút toàn bộ đơn kháng cáo của ông H. Việc rút toàn bộ đơn kháng cáo là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Do đó, ông đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm của TAND thị xã Ngã Năm.

- Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 27/12/2024 và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông T không rút đơn phản tố; không thay đổi, bổ sung hoặc rút đơn kháng cáo và cho rằng: Đối với khoản vay 1.000.000.000 đồng ngày 13/7/2021, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông H trả cho ông số tiền 155.466.667 đồng là đúng. Ngoài ra, ông không có vay tiền của bà M mà là ông H vay tiền của bà M, số tiền 1.000.000.000 đồng ông trả cho ông H ngày 23/02/2024 là trả cho khoản vay 700.000.000 đồng ngày 21/10/2019, nên ông đã trả cho ông H tổng cộng số tiền 1.695.000.000 đồng, vì vậy sau khi khấu trừ tiền vốn và tiền lãi theo quy định thì ông H còn phải trả cho ông số tiền 387.120.000 đồng. Đồng thời, ông có đến nhà bà M nói chuyện và ghi âm lại lời bà M trình bày là chỉ có cho ông H vay số tiền 1.000.000.000 đồng ngày 13/7/2021, không có khoản vay nào khác. Nên yêu cầu Tòa án giải quyết sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H và buộc ông H trả cho ông thêm số tiền 387.120.000 đồng (sau khi khấu trừ tiền vốn và tiền lãi theo quy định đối với khoản vay 700.000.000 đồng ngày 21/10/2019), tổng cộng số tiền 542.685.667 đồng. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng là trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm thì HĐXX, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng. Về nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có

trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào các quy định pháp luật có liên quan đề nghị HĐXX đình chỉ xét xử đối với kháng cáo của ông H và không chấp nhận đối với kháng cáo của ông T và áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Tại phiên tòa lần thứ tư (sau khi tạm ngừng), nguyên đơn ông Bùi Thanh H và người đại diện hợp pháp; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đàm Thị Kim Ngoãn E và người làm chứng bà Đặng Thị Kiều M đều vắng mặt không rõ lý do, ông T đề nghị xét xử vắng mặt đối với bà M; nên HĐXX căn cứ vào khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về người kháng cáo, nội dung, hình thức đơn kháng cáo và thời hạn kháng cáo của ông H và ông T là đúng quy định tại Điều 271, Điều 272 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo hợp lệ, được Tòa án chấp nhận và tiến hành xét xử phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 27/12/2024, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông D xin rút toàn bộ đơn kháng cáo của ông H. Việc rút toàn bộ đơn kháng cáo là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Do đó, HĐXX căn cứ điểm b khoản 1 Điều 289 và Điều 295 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông H.

[4] Quá trình tham gia tố tụng, phía bị đơn ông T có cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ là file ghi âm cùng tài liệu ghi nội dung cuộc nói chuyện giữa ông T với bà M. Tòa án tiến hành lấy lời khai bà M để xác định có phải giọng nói của bà M trong file ghi âm này hay không nhưng bà M không có ở nhà, liên lạc qua điện thoại thì bà M từ chối gặp và cung cấp lời khai cho Tòa án (BL số 2255). Bà M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa, nhưng bà M vắng mặt không rõ lý do, nên không có cơ sở xác định có phải là giọng nói của bà M trong file ghi âm nêu trên hay không. Đồng thời, Tòa án cũng không thể tiến hành trưng cầu giám định đối với giọng nói trong file ghi âm này được.

[5] Xét kháng cáo của ông T về việc yêu cầu Tòa án giải quyết sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H và buộc ông H trả cho ông thêm số tiền 387.120.000 đồng (sau khi khấu trừ tiền vốn và tiền lãi theo quy định đối với khoản vay 700.000.000 đồng ngày 21/10/2019), tổng cộng số tiền 542.685.667 đồng. Xét thấy:

[5.1] Khi kháng cáo ông T cho rằng ông không có vay tiền của bà M mà là ông H vay tiền của bà M, số tiền 1.000.000.000 đồng ông trả cho ông H ngày 23/02/2024 là trả cho khoản vay 700.000.000 đồng ngày 21/10/2019, nên ông đã trả cho ông H tổng cộng số tiền 1.695.000.000 đồng, vì vậy sau khi khấu trừ tiền vốn và tiền lãi theo quy định thì ông H còn phải trả cho ông số tiền 387.120.000 đồng. Tuy nhiên, tại Biên nhận (BL số 179) ghi “*Trước có gửi trả tiền cho Bùi Thanh H 1.000.000.000 đồng (một tỷ) tiền của M*”, có chữ ký và ghi Bùi Thanh H; nhưng

biên nhận này không ghi ngày, tháng, năm trả tiền, nên không xác định được trả vào thời gian nào, có nằm trong khoảng thời gian vay đối với khoản vay 700.000.000 đồng ngày 21/10/2019 hay không. Vì vậy, không có cơ sở xác định trả cho khoản vay 700.000.000 đồng như ông T trình bày. Mặt khác, số tiền vốn vay chỉ có 700.000.000 đồng, nhưng ông T cho rằng trả đối với khoản vay 700.000.000 đồng là không có lý và biên nhận cũng không ghi trả tiền vốn hay tiền lãi. Chính vì vậy, không có cơ sở xác định số tiền 1.000.000.000 đồng là trả cho khoản vay 700.000.000 đồng như yêu cầu kháng cáo của ông T.

[5.2] Quá trình tham gia tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm, ông T cho rằng ông có đến nhà bà M nói chuyện và ghi âm lại lời bà M trình bày là chỉ có cho ông H vay số tiền 1.000.000.000 đồng ngày 13/7/2021, không có khoản vay nào khác. Tuy nhiên, bà M không hợp tác, nên không có cơ sở xác định có phải giọng nói của bà M trong file ghi âm do ông T cung cấp hay không. Mặt khác, nội dung trong file ghi âm này không phù hợp với lời khai của bà M tại Biên bản lấy lời khai của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm ngày 30/8/2024 (BL số 139). Mặc dù, tại phiên tòa phúc thẩm ngày 27/12/2024 người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông D xác định giọng nói trong file ghi âm là của bà M. Tuy nhiên, không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh ông D có quen biết với bà M và biết giọng nói của bà M. Mặt khác, trong vụ án này ông D đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn ông H thì quyền lợi, nghĩa vụ hoàn toàn đối lập với ông T, nhưng song song bên cạnh ông D lại đại diện theo ủy quyền cho ông T trong một vụ án dân sự phúc thẩm khác được TAND tỉnh thụ lý số 242/2024/TLPT-DS và đang được đưa ra xét xử phúc thẩm cùng ngày 12/02/2025 (BL số 230). Vì vậy, lời xác định của ông D trong vụ án này là không khách quan, nên không thể lấy làm chứng cứ để xác định giọng nói của bà M. Do đó, không có căn cứ xác định số tiền 1.000.000.000 đồng là số tiền trả cho khoản vay 700.000.000 đồng ngày 21/10/2019 mà là trả cho khoản vay khác, nên không có cơ sở để khấu trừ vào khoản vay 700.000.000 đồng vừa nêu theo yêu cầu kháng cáo của ông T. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là có căn cứ và hợp pháp.

[6] Từ những nhận định như vừa nêu trên, kháng cáo của ông T là không có căn cứ, nên không được HĐXX chấp nhận. HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 6 Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút toàn bộ đơn kháng cáo tại phiên tòa phúc thẩm và do Bản án dân sự sơ thẩm được giữ nguyên, nên ông H và ông T mỗi người phải chịu án phí dân sự phúc thẩm với số tiền là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1, 4 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuy nhiên, ông H sinh năm 1962 là người cao tuổi, nên được miễn theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Do ông H được miễn nộp tạm ứng án phí, nên không đặt ra xem xét việc hoàn trả lại.

[8] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng đề nghị HĐXX đình chỉ xét xử đối với kháng cáo của ông H và không chấp nhận đối với kháng cáo của ông T và áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự

năm 2015, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng là có căn cứ, nên được HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 6 Điều 313, khoản 1 Điều 148, điểm b khoản 1 Điều 289 và Điều 295 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1, 4 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Bùi Thanh H.

2. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn T.

3. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 109/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024, về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Án tuyên như sau:

3.1. Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Thanh H về việc yêu cầu buộc bà Đàm Thị Kim Ngoãn E có trách nhiệm liên đới cùng với ông Nguyễn Văn T trả nợ vay nêu trên.

3.2. Chấp nhận một yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Thanh H về việc yêu cầu buộc bị đơn ông Nguyễn Văn T trả số tiền vay.

- Buộc ông Nguyễn Văn T trả cho ông Bùi Thanh H số tiền là 617.761.333 đồng (Sáu trăm mười bảy triệu bảy trăm sáu mươi một nghìn ba trăm ba mươi ba đồng).

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Thanh H về việc yêu cầu buộc ông Nguyễn Văn T trả số tiền là 2.565.231.667 đồng (Hai tỷ năm trăm sáu mươi lăm triệu hai trăm ba mươi một nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

3.3. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn Văn T.

- Buộc ông Bùi Thanh H trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền là 155.466.667 đồng (Một trăm năm mươi lăm triệu bốn trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

- Không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn Văn T về việc yêu cầu buộc ông Bùi Thanh H trả số tiền là 387.120.000 đồng (Ba trăm tám mươi bảy triệu một trăm hai mươi nghìn đồng).

- Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3.4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông Bùi Thanh H được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 48.066.000 đồng (Bốn mươi tám triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 12.853.500 đồng (Mười hai triệu tám trăm năm mươi ba nghìn năm trăm đồng) theo Biên lai thu số 0005245 ngày 04/06/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Sau khi khấu trừ ông Nguyễn Văn T còn phải nộp thêm số tiền 35.212.500 đồng (Ba mươi lăm triệu hai trăm mười hai nghìn năm trăm đồng).

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Bùi Thanh H được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự phúc thẩm. Ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007232 ngày 21/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, ông Nguyễn Văn T đã nộp đủ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

5. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014), thì những người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Toàn